

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11-9-2024

*“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị
Thảo - anh Lâm”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Tân; Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐHPT-ST ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: SN D, đường N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Vũ Đình L, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, anh L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Phương T trình bày: Chị và anh Vũ Đình L tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q vào ngày 10/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại gia đình anh L và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, kinh tế khó khăn đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 9/2023 mâu thuẫn trầm trọng, chị T đã chủ động đưa con chung trở về gia đình bố mẹ đẻ tại thị trấn Q sinh sống và vợ chồng

sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị T khai chị và anh L có 01 con chung là Vũ Phan A, sinh ngày 15/3/2015. Con chung hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn xảy ra chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Vũ Đình L: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh L biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh L vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh L và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh L vắng mặt.

Tòa án đã xác minh:

- Ông Nguyễn Công T1- cán bộ tư pháp; ông Nguyễn Văn T2- Trưởng thôn Mỹ xá, xã C đều cung cấp hoàn cảnh điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh L. Hiện tại chị T đã đưa con chung trở về nhà bố mẹ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân. Đối với anh L đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn M, xã C, hiện đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ nhưng vẫn thường xuyên trở về nhà ở xã C. Quan điểm của ông T1 và ông T2 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân để giải quyết yêu cầu của chị T theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa là chấp hành chưa đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh L; Về con chung: Xử giao con chung Vũ Phan A, sinh ngày 15/3/2015 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không đặt ra giải quyết; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn M, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Phương T và anh Vũ Đình L được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q vào ngày 10/4/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh L sinh sống tại gia đình anh L tại xã C và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, thời điểm tháng 9 năm 2023 mâu thuẫn càng tăng, chị T đã trở về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay, anh L cũng không tìm chị về đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh L. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh L biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh L vắng mặt. Qua xác minh lời khai Ông Nguyễn Công T1- cán bộ tư pháp và ông Nguyễn Văn T2- Trưởng thôn Mỹ xá, xã C đều xác nhận thực trạng cuộc hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn và sống ly thân, anh L cư trú tại gia đình ở thôn M, xã C, thời điểm hiện tại anh L đi lao động tự do không cố định địa chỉ, nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà. Đối với thân nhân của anh L tại gia đình có bố đẻ là ông Vũ Đình N, Tòa án giao văn bản tố tụng ông N đã nhận thay nhưng không ký vào biên bản giao nhận và không khai, vì vậy Tòa án không xác minh được. Quan điểm của ông T1 và ông T2 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân và giải quyết nguyện vọng của chị T theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh L. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là Vũ Phan A, sinh ngày 15/3/2015. Xét nguyện vọng của đương sự về nuôi dưỡng con chung, qua xác minh cho thấy con chung hiện do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung hiện đang ổn định sinh sống và học tập tại nơi cư trú, bản thân chị T có công việc và thu nhập ổn định. Qua lấy lời khai cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ. Quan điểm của ông T1 và ông T2 đều đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc giao con chung theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần xử giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Phương T được ly hôn anh Vũ Đình L.

2/Về con chung: Xử giao con chung Vũ Phan A, sinh ngày 15/3/2015 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3/Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004707 ngày 26/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Ch;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC